

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 5 và 5 tháng năm 2016

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5 ước tính tăng 0,5% so với tháng trước. Một số ngành có chỉ số tăng so với tháng trước: sản xuất trang phục (+16,6%); phương tiện vận tải (+14,4%); in ấn (13,7%); hóa chất (+11,9%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+9,6%); da (+9,6%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+5,1%); thuốc lá(+4%)... Một số ngành có chỉ số giảm so tháng trước: sản xuất thuốc (-0,9%); sản xuất kim loại (-1,4%); sản xuất thiết bị điện (-1,6%); sản xuất đồ uống (-2,2%); sản xuất thiết bị điện tử (-3,7%); sản xuất xe có động cơ (-20,7%)...

Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tháng 5 tăng 3,4% so với tháng cùng kỳ.

Cộng dồn 5 tháng đầu năm **chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2015** (chỉ số năm trước +6%). Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,5%; sản xuất phân phối điện tăng 10,2%; cung cấp nước và xử lý chất thải tăng 13,1%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Tháng 5/2016 so với tháng 4/2016	Đơn vị tính: % 5 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	100,5	106,4
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ		12,3
2. Công nghiệp chế biến	100,7	106,5
3. SX và phân phối điện	106,8	110,2
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	103,0	113,1
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	93,6	107,1
2. Sản xuất đồ uống	97,9	113,7
3. Sản xuất trang phục	116,6	109,1
4. Sản xuất da và SP liên quan	109,6	97,4
5. SX hóa chất và SP hóa chất	111,9	100,5
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	105,1	100,9
7. SP. từ khoáng phi kim loại	109,6	118,7
8. Sản xuất SP điện tử	96,3	110,2
9. Sản xuất thiết bị điện	98,4	109,5
10. Sản xuất xe có động cơ	79,3	72,5

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 21/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó **một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao** như: sản xuất máy móc thiết bị

khác (+30,5%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+18,7%); đồ uống (+13,7%); dệt (+11,6%); sản xuất sản phẩm điện tử (+10,2%); sản xuất và phân phối điện (+10,2%)... **Một số ngành có mức tăng khá:** sản xuất thiết bị điện (+9,5%); sản xuất trang phục (+9,1%); sản xuất giấy (+8,5%); chế biến thực phẩm (+7,1%)... **Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm:** sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+0,9%); thuốc lá (+0,9%); in (+0,6%); da (-2,6%); kim loại (-3,3%); xe có động cơ (-27,5%)...

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 5 giảm 2,8% so với tháng trước; tăng 0,2% so với tháng 5/2015. Cộng dồn 5 tháng tăng 5,9%, bao gồm: ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 11%; sản xuất sản phẩm điện tử tăng 10,2%; ngành hóa dược tăng 0,7% và cơ khí chế tạo giảm 0,4%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 4 tăng 0,6% so với tháng trước; tăng 4,5% so tháng cùng kỳ năm 2015. Tính chung 4 tháng đầu năm tăng 4,3% so với cùng kỳ. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao so cùng kỳ: sản xuất sản phẩm điện tử, sản xuất máy móc, thiết bị khác, sản xuất trang phục, dệt... Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp: sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; sản xuất thuốc, da...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/5 tăng 40,8% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng: sản xuất đồ uống, trang phục, sản xuất giấy, sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic... Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất thuốc lá, sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, sản xuất kim loại, sản xuất xe có động cơ...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

Lúa vụ đông xuân gieo trồng 5.205 ha (huyện Củ Chi chiếm 78,8%), tăng 5,8% so với cùng kỳ, đã thu hoạch đạt 93,8% so cùng kỳ năm trước với năng suất dự ước tăng 1,4%. Lúa hè thu đã xuống giống 1.950 ha, giảm 1,3% so cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng các loại cây khác nhìn chung đều tăng so với cùng kỳ; Trong đó, rau 7.283 ha, tăng 2,9%, hoa cây cảnh 1.475 ha, tăng 8,5%.

1.2. Chăn nuôi

Tổng đàn trâu bò ước tính 136,2 ngàn con, tăng 1,9% so với cùng kỳ (đàn bò sữa 99.134 con, giảm 1,1%). Theo kết quả điều tra chăn nuôi 1/4/2016, đàn heo ước đạt 339,3 ngàn con, tăng 12,5% so với cùng thời điểm năm trước, đàn gia cầm 226,9 ngàn con, giảm 12,3%.

2. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 5 ước đạt 3.879 tấn, giảm 0,6% so với cùng kỳ. Trong đó, nuôi trồng 2.035 tấn, tăng 5,3%; khai thác 1.844 tấn, giảm 6,4%.

Sản lượng thủy sản 5 tháng ước đạt 21.253 tấn, giảm 1,7% so với cùng kỳ. Trong đó, nuôi trồng 13.831 tấn, giảm 1,7%; khai thác 7.421,4 tấn, giảm 1,7% so với cùng kỳ.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/05, đã có 364 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 55,9 triệu con giống trên diện tích 2.943 ha. Tôm thẻ chân trắng có 835 lượt hộ thả nuôi với 368,8 triệu con giống trên diện tích 829,9 ha.

Dịch bệnh trên tôm: Từ đầu năm đến nay đã có 71 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 46 ha. Có 24 hộ với 15 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 5 tháng ước thực hiện 70.023,7 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ 2015 tăng 5,1%).

Trong đó: Vốn từ ngân sách thành phố là 5.835,5 tỷ đồng, tăng 1,3% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 3.623,4 tỷ đồng, chiếm 62,2%; cấp quận huyện ước thực hiện 2.212,1 tỷ đồng, chiếm 37,8%.

Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 5 tháng /2016 (tỷ đồng)	So với cùng kỳ/2015 (%)
Tổng vốn đầu tư	5.835,5	101,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	472,8	154,5
Cấp thành phố	3.623,4	97,8
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	308,1	197,2
Cấp quận huyện	2.212,1	107,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	164,7	109,8

Tháng 5, công tác đền bù ở các quận huyện có dự án còn chậm, một số dự án khối lượng thực hiện cao như: Xây dựng cầu Mương Lớn 1; cải tạo hệ thống thoát nước TPHCM (giai đoạn 2); nạo vét luồng Soài rạp (giai đoạn 2); hệ thống thoát nước Kinh Dương Vương; các dự án san lấp nền thuộc khu công nghệ cao... Nhìn chung, 5 tháng khối lượng thực hiện vốn ngân sách có tốc độ tăng thấp.

Trong tháng có dự án xây dựng khoa khám bệnh và điều trị Bệnh viện nhi đồng 2 hoàn thành đưa vào sử dụng, với tổng vốn đầu tư 201,9 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất - Bình Lợi – Vành đai ngoài (Phạm Văn Đồng): Hiện đang thi công đoạn cuối tuyến từ đường Trường Sơn đến Nguyễn Thái Sơn.

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: Hiện khối lượng trên toàn tuyến như: các trụ móng, các trạm dừng và phần lắp ghép đường trên cao đạt 40%.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 4, toàn thành phố đã cấp 16.741 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 3.239,3 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 16.567 giấy phép, với diện tích 3.224,6 ngàn m² và 174 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 14,7 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 3,5% về giấy phép (+565) và bằng 96,2% về diện tích (-126,8 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/5, đã có 276 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt 481,2 triệu USD. Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 218 dự án, vốn đầu tư đạt 202,8 triệu USD; liên doanh 57 dự án, vốn đầu tư đạt 278,1 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh 1 dự án, vốn đầu tư 290 ngàn USD.

Chia theo lĩnh vực đầu tư: công nghiệp 16 dự án, vốn đầu tư 62,1 triệu USD (chiếm 12,9%); thương nghiệp 106 dự án, vốn đầu tư 116,7 triệu USD (chiếm 24,3%); kinh doanh bất động sản 7 dự án, vốn đầu tư 236 triệu USD (chiếm 49%); thông tin truyền thông 38 dự án, vốn đầu tư 29,1 triệu USD (chiếm 6%); dịch vụ lưu trú và ăn uống 11 dự án, vốn đầu tư 10,5 triệu USD (chiếm 2,2%); hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ 52 dự án, vốn đầu tư 12,7 triệu USD (chiếm 2,6%)...

Chia theo đối tác đầu tư: đã có 36 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án được cấp phép, trong đó Cayman Islands 4 dự án, vốn đầu tư đạt 230,5 triệu USD (chiếm 47,9%); Nhật Bản 42 dự án, vốn đầu tư 75,7 triệu USD (chiếm 15,7%); Singapore 38 dự án, vốn đầu tư 64,1 triệu USD (chiếm 13,3%); Hàn Quốc 50 dự án, vốn đầu tư 29,8 triệu USD (chiếm 6,2%); Malaysia 9 dự án, vốn đầu tư 23,5 triệu USD (chiếm 4,9%); Hà Lan 4 dự án, vốn đầu tư 13,7 triệu USD; Hồng Kông 17 dự án, vốn đầu tư 3,8 triệu USD; Trung Quốc 19 dự án, vốn đầu tư 6 triệu USD; Đài Loan 8 dự án, vốn đầu tư 2,3 triệu USD...

Đã có 48 dự án điều chỉnh tăng vốn đầu tư, số vốn tăng 166,1 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn đến ngày 15/5 đạt 647,3 triệu USD** (cùng kỳ năm trước 1.055 triệu USD). Giải thể, chuyển đi tỉnh thành và rút phép trước hạn 23 dự án, vốn đầu tư 28,3 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (không bao gồm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/5 đã có 13.267 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 19,7% so với cùng kỳ; trong đó có 278 doanh nghiệp tư nhân; 1.481 công ty cổ phần; 11.506 công ty TNHH. Trong đó khu vực nông lâm thủy sản 67 doanh nghiệp, tăng 45,7% so cùng kỳ; khu vực công nghiệp xây dựng 2.983 doanh nghiệp, tăng 12,1%; và khu vực thương mại dịch vụ 10.217 doanh nghiệp, tăng 22%.

Tổng vốn đăng ký đạt 99.948 tỷ đồng, tăng 37,9% so cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản đạt 893 tỷ đồng, tăng gấp 2,7 lần so với cùng kỳ; khu vực công nghiệp xây dựng đạt 22.196 tỷ đồng, giảm 29,4% so cùng kỳ; khu vực thương mại dịch vụ đạt 76.859 tỷ đồng, tăng 89% so với cùng kỳ.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động:

Theo báo cáo từ cơ quan thuế, trong 4 tháng đầu năm có 9.831 doanh nghiệp ngưng hoạt động, bằng 62,7% so số doanh nghiệp tăng trong kỳ (cấp mới 12.358 doanh nghiệp, tái hoạt động 3.322 doanh nghiệp). Trong đó có 36 doanh nghiệp thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, 7.997 công ty TNHH, 1.088 công ty cổ phần và 693 doanh nghiệp tư nhân.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5 ước đạt 57.087 tỷ đồng (không tính bán lẻ của các đơn vị sản xuất), giảm 0,2% so tháng trước. **Ước tính 5 tháng đầu năm, đạt 288.550,5 tỷ đồng, tăng 11,2%, loại trừ yếu tố giá tăng 10,2%.**

- Kinh tế nhà nước ước đạt 36.122,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 12,5%, tăng 3,3%;

- Kinh tế ngoài nhà nước 232.932,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 80,7%, tăng 11,9%.

- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 19.496 tỷ đồng, chiếm 6,8%, tăng 18,5%.

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa: tháng 5 đạt 44.621 tỷ đồng, tăng 0,6% so tháng trước. Năm tháng đầu năm ước đạt 226.925,6 tỷ đồng, tăng 11,2%.

Các nhóm hàng hóa có mức tăng cao là: đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình +21,7% (chiếm 21,5%); vật phẩm văn hóa giáo dục +16,5% (chiếm 1,9%); Gỗ và vật liệu xây dựng +27,9% (chiếm 2,8%); Phương tiện đi lại +37,8% (chiếm 8,1%).

b. Dịch vụ lưu trú và ăn uống: ước tính doanh thu tháng 5 đạt 6.930,1 tỷ đồng, giảm 3,7% so tháng trước. Năm tháng đầu năm ước tính đạt 34.900 tỷ đồng, tăng 10,5% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú tăng 8,5%; Dịch vụ ăn uống tăng 10,7%.

c. Du lịch: tháng 5 ước đạt 1.663,9 tỷ đồng, giảm 7,3% so tháng trước. Năm tháng đầu năm ước đạt 7.719,2 tỷ đồng, tăng 15,9% so cùng kỳ.

d. Dịch vụ tiêu dùng khác: Doanh thu tháng 5 ước đạt 3.871,6 tỷ đồng, tăng 1,2% so tháng trước. Năm tháng đầu năm ước đạt 19.005,7 tỷ đồng, tăng 10,1% so cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tháng 5/2016 tăng nhẹ 0,82% so tháng trước, trong đó có 9/11 nhóm hàng đều tăng giá so tháng trước: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,35%); nhóm may mặc mũ nón giày dép (+0,03%); nhóm nhà ở điện nước và vật liệu xây dựng (+1,86%); nhóm thiết bị đồ dùng gia đình (+0,08%); nhóm giao thông (+2,66%); nhóm bưu chính viễn thông (+0,40%); nhóm giáo dục (+0,03%); nhóm văn hóa giải trí và du lịch (+0,18%); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+0,24%), riêng nhóm đồ uống và thuốc lá giảm nhẹ (-0,05%) và nhóm thuốc dịch vụ y tế không biến động so tháng trước.

Tình hình cụ thể ở một số nhóm hàng như sau:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn: tăng 0,35% so tháng trước, trong đó:

+ Lương thực: So tháng trước giá bán lẻ lương thực tăng nhẹ 0,05%, tuy nhiên mức tăng nhẹ này chỉ tập trung ở nhóm ngũ cốc và nhóm lương thực chế biến, riêng nhóm gạo chỉ tăng nhẹ ở một vài loại gạo ngon còn lại các loại gạo thường nhìn chung không tăng. Nếu so đầu năm giá lương thực tăng 0,96% chủ yếu do các tín hiệu tích cực về tình hình xuất khẩu gạo, bên cạnh đó các doanh nghiệp trong nước

đã chủ động tăng cường thu mua lúa gạo nội địa phục vụ xuất khẩu cũng đã tác động trực tiếp tới giá bán buôn và bán lẻ gạo trong nước.

+ Thực phẩm: Sau khi giảm nhẹ ở tháng trước (-0,96%), sang tháng 5 giá thực phẩm tăng 0,62%, trong đó các nhóm hàng biến động tăng so tháng trước: thịt heo (+2,83%); thịt gia cầm tươi sống (+0,56%); thịt chế biến (+0,16%); trứng các loại (+0,49%); dầu mỡ ăn và chất béo (+0,11%); thủy sản chế biến (+0,80%); nước mắm nước chấm (+0,12%); rau các loại (+1,05%); trái cây các loại (+1,76%), bên cạnh đó các nhóm hàng giảm giá so tháng trước gồm: thịt bò (-0,37%); thủy sản tươi sống (-0,32%); đồ gia vị (-0,03%); đường mật (-1,3%), còn lại các nhóm hàng khác trong nhóm thực phẩm không có biến động so tháng trước.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, VLXD tăng 1,86% so tháng trước chủ yếu do tác động từ việc tăng giá điện sinh hoạt (+1,25%); giá nhà thuê (+2,16%); giá gas (+2,08%); giá dầu hỏa (+2,07%).

Nhóm giao thông: Tăng 2,66% so tháng trước chủ yếu do giá xăng được điều chỉnh tăng ngày 5/5 theo đó giá xăng A92 và A95 tăng thêm 640đ/lít, riêng dầu diesel được điều chỉnh tăng 2 lần (lần 1 ngày 20/4 tăng 500đ/lít, lần 2 ngày 5/5 tăng 650đ/lít so tháng trước, đưa mức giá từ 9.870 đ/lít lên 11.020 đ/lít).

Nhóm văn hóa giải trí và du lịch: Tăng 0,18% chủ yếu do dịch vụ du lịch trọn gói trong nước, dịch vụ thể thao, và một số vật phẩm văn hóa tăng nhẹ, còn lại các mặt hàng khác thuộc nhóm này không biến động.

Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác: Tăng 0,24% do bảo hiểm y tế tăng 2,58% đối với Công chức nhà nước (mức lương tối thiểu khu vực nhà nước tăng từ 01/5/2016).

So với tháng 5/2015 chỉ số giá tiêu dùng tăng 1,6%, với 7 nhóm hàng tăng giá là hàng ăn và dịch vụ ăn; đồ uống thuốc lá; may mặc giày dép; nhà ở điện nước; thuốc và dịch vụ y tế; giáo dục và hàng hóa dịch vụ khác (trong đó tăng cao nhất là nhóm thuốc và dịch vụ y tế với mức 14,76%), 4 nhóm hàng còn lại đều giảm trong đó nhóm giao thông giảm mạnh với mức 11,68%.

So tháng 12/2015 chỉ số giá tiêu dùng tăng 1,4%, trong đó chỉ có 2 nhóm giảm là giao thông (-7,38%) và bưu chính viễn thông (-0,72%), 9 nhóm hàng còn lại đều tăng.

Chỉ số giá bình bình quân 5 tháng so cùng kỳ là 100,86%, cùng kỳ năm trước là 100,63%.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố ước thực hiện tháng 5 đạt 2.595,2 triệu USD, tăng 11,5% so tháng trước.

Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 11.892,6 triệu USD, tăng 1,2% so cùng kỳ (+146,4 triệu USD)

Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu 5 tháng đầu năm ước đạt 10.880,1 triệu USD, tăng 7,1%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố xuất qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 5 đạt 2.004,5 triệu USD, giảm 12,2% so tháng trước. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước 975,9 triệu USD, giảm 13,6%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1.028,6 triệu USD, giảm 10,8%.

Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 10.449,4 triệu USD, giảm 1,3% so cùng kỳ (-137,4 triệu USD). Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 1.492,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 14,3%, giảm 26,7% (-543,7 triệu USD);

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 5.100 triệu USD, chiếm 48,8%, tăng 5,6% (+268,9 triệu USD);

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 3.856,6 triệu USD, chiếm 36,9%, tăng 3,7% (+137,2 triệu USD).

Loại trừ dầu thô ước đạt 9.436,8 triệu USD, tăng 4,8%.

Chia theo nhóm hàng (không kể dầu thô):

- Nhóm hàng nông sản đạt 1.601,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 17% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, tăng 5% so cùng kỳ. Xuất khẩu gạo đạt 336,7 ngàn tấn, trị giá 440,9 triệu USD, tăng 40,8% so cùng kỳ, chiếm 4,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Cà phê ước xuất khẩu đạt 213,9 ngàn tấn, trị giá 335,3 triệu USD, tăng 19,7%, chiếm tỷ trọng 3,6%.

- Nhóm hàng thủy sản 255,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,7%, tăng 2,2%.

- Nhóm hàng công nghiệp 6.683,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 70,8%, tăng 5,6%. Trong đó máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 20,5%, tăng 21,1%. Nhóm máy móc thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác chiếm 7,8%, tăng 18,3%

- Nhóm hàng lâm sản 204,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,2%, tăng 12,7%.

- Nhóm hàng hóa khác 691,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,3%, giảm 4%.

+ Riêng mặt hàng dầu thô: ước đạt 3.529,9 ngàn tấn, trị giá 1.012,5 triệu USD, giảm 36,1%, do giá bình quân giảm 35,5% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố ước thực hiện tháng 05 đạt 3.136,9 triệu USD, tăng 5% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 14.048,6 triệu USD, tăng 9,2%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nhập qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 05 ước đạt 2.475,6 triệu USD, giảm 7,7%. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước đạt 1.430 triệu USD, giảm 9,4%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1.045,5 triệu USD, giảm 5,2%.

Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 12.003,1 triệu USD, tăng 8,6% (+945,8 triệu USD). Chia ra:

+ Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 664,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,5%, tăng 10,4%;

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.925,5 triệu USD, chiếm 41%, tăng 15,4%;

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước 6.413,6 triệu USD, chiếm 53,4%, tăng 3,7%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 5 tháng đầu năm 2016:

+ Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 184,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,5%, giảm 24%.

+ Nhiên liệu: về lượng ước nhập 565,4 ngàn tấn, tăng 65,4%, và kim ngạch đạt 265,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,2%, tăng 12,9% là do giá bình quân giảm 31,8%.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 296,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,5%, giảm 15%.

+ Vải các loại nhập 915,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,6%, giảm 3,8%

+ Sắt thép đạt 561,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,7%, tăng 0,9%.

+ Dược phẩm đạt 524,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,4%, tăng 18,6%.

+ Chất dẻo đạt 620,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,2%, tăng 2,7%.

+ Máy vi tính, SP điện tử & linh kiện đạt 2.241,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 18,7%, tăng 23,8%.

+ Ô tô nguyên chiếc các loại 11.376 chiếc, trị giá 125 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1%, tăng 58,2%.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 5 ước đạt 6.567 tỷ đồng, tăng 2% so với tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 33.683,5 tỷ đồng, tăng 20,8% so cùng kỳ năm trước.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 5 tháng đầu năm 2016

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2015	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	23.038,3	10.645,2	120,6	121,1
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	1.703,5	143,6	85,1	85,5
Kinh tế ngoài nhà nước	21.198,6	8.786,9	124,8	122,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	136,1	1.714,7	123,4	119,8
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó: Đường bộ	13.797,7	8.846,1	125,0	120,8
Đường sông	2.451,1	208,9	124,9	118,8
Đường biển	6.738,6		111,3	
Đường hàng không	50,9	1.590,3	118,5	123,2

- **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 5 ước đạt 4.600,6 tỷ đồng, tăng 2,1% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 23.038,3 tỷ đồng, tăng 20,6% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 92%, tăng 24,8%; kinh tế nhà nước chiếm 7,4%, giảm 14,9%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ chiếm tỷ trọng 59,9%, tăng 25%, đường biển chiếm tỷ trọng 29,2%, tăng 11,3%.

* **Vận tải hành khách:** doanh thu tháng 5 ước đạt 1.966,4 tỷ đồng, tăng 1,9% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đầu năm đạt 10.645,2 tỷ đồng, tăng 21,1% so cùng kỳ; Trong đó, khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 82,5%, tăng 22,2%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 16,1%, tăng 19,8%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 8.846,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 83,1%, tăng 20,8%; Đường hàng không chiếm 14,9%, tăng 23,2%.

VII. TÀI CHÍNH

1. Tài chính

Tổng thu ngân sách Nhà nước 5 tháng ước thực hiện 120.461 tỷ đồng, đạt 40,0% dự toán, tăng 5,2% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 77.025 tỷ đồng, đạt 43,4% dự toán, tăng 16,6% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 5.825 tỷ đồng, đạt 32,0% dự toán, giảm 42,4% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 36.500 tỷ đồng, đạt 35,6% dự toán, giảm 2,1% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2016 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2016 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2015
Tổng thu	300.800	120.461	40,0	105,2
Tổng thu cân đối ngân sách NN	298.300	119.350	40,0	105,2
I- Thu nội địa	177.600	77.025	43,4	116,6
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	32.820	12.228	37,3	100,7
2. Khu vực ngoài nhà nước	39.000	20.220	51,8	132,8
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	48.700	20.620	42,3	116,5
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	102.500	36.500	35,6	97,9
III- Thu từ dầu thô	18.200	5.825	32,0	57,6

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 15,9% tổng thu nội địa, tăng 0,7% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 6.952 tỷ đồng, đạt 34,5% dự toán, giảm 10,2% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 5.276 tỷ đồng, đạt 41,7% dự toán, tăng 19,7% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 20.220 tỷ đồng, tăng 32,8% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 20.620 tỷ đồng, tăng 16,5%. Thu khác 23.957 tỷ đồng, đạt 42,0% dự toán; trong đó thuế thu nhập cá nhân 10.929 tỷ đồng, thu tiền sử dụng đất 3.915 tỷ đồng.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 5 tháng ước đạt 28.029 tỷ đồng, đạt 43,9% dự toán, tăng 14,0% so cùng kỳ năm 2015.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 5 tháng ước thực hiện 16.727 tỷ đồng, đạt 26,2% dự toán, tăng 12,8% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2016 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2016 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2015
Tổng chi (trừ tạm ứng)	63.801	16.727	26,2	112,8
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	26.547	6.771	25,5	127,0
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.973	18	0,5	119,5
II- Chi thường xuyên	34.630	9.921	28,6	105,4
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.901	926	18,9	134,9
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	9.185	2.945	32,1	101,5
Sự nghiệp y tế	2.672	931	34,9	98,9
Quản lý hành chính	5.133	1.828	35,6	100,9

Chi đầu tư phát triển 6.771 tỷ đồng, đạt 25,5% dự toán, tăng 27,0% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 9.921 tỷ đồng, đạt 28,6% dự toán, tăng 5,4% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 926 tỷ đồng, đạt 18,9% dự toán, tăng 34,9%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 2.945 tỷ đồng, đạt 32,1% dự toán, tăng 1,5%; chi sự nghiệp y tế 931 tỷ đồng, đạt 34,9% dự toán, giảm 1,1%; chi quản lý hành chính 1.828 tỷ đồng, đạt 35,6% dự toán.

2. Tín dụng ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 5 đạt 1.625,6 ngàn tỷ đồng, tăng 0,6% so tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +2,6%) và tăng 20,9% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 54,7% tổng vốn huy động, tăng 18,1% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 14,2%, tăng 19,5% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 85,8% tổng vốn huy động, tăng 21,2% so tháng cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 53,9% tổng vốn huy động, tăng 14,8% so với tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 5 đạt 1.287,8 ngàn tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +2,5%); so với tháng 12/2015 tăng 4,3% .

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 716,6 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,6% tổng dư nợ, tăng 14,9% so tháng cùng kỳ. Dư nợ bằng ngoại tệ đạt 131,8 ngàn tỷ đồng, chiếm 10,2% tổng dư nợ, giảm 21,1% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.155,9 ngàn tỷ đồng, chiếm 89,8% tổng dư nợ, tăng 23,1% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 04 năm 2016, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 308 gồm 307 mã cổ phiếu và 1 mã quỹ ETF, không thay đổi so với cuối tháng 03.

Giá trị vốn hóa thị trường là 1.199.162,62 tỷ đồng, tăng 4,5% so với cuối năm 2015. Trong tháng 04/2016 có 20 phiên giao dịch, 12 phiên tăng điểm và 8 phiên giảm điểm. Trong tháng 04, đồ thị VN-Index có xu hướng tăng mạnh và độ biến thiên lên đến

42,66 điểm. VN-Index tăng dần về cuối tháng. Trong tháng 04, VN-Index có 5 lần thiết lập đỉnh mới kể từ đầu năm vào các ngày 11, 12, 15, 22 và 26. Đến cuối tháng 04, VN-Index đạt 598,37 điểm, tăng 6,6% (tương ứng tăng 37,15 điểm) so với cuối tháng 03 và tăng 3,3% (tương ứng tăng 19,34 điểm) so với cuối năm 2015.

Khối lượng giao dịch của tháng 04/2016 đạt 2.667,08 triệu chứng khoán, giảm 24,5% so với tháng 03. Giá trị giao dịch của tháng đạt 48.723,65 tỷ đồng, giảm 17,8% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 133,35 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.436,18 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 13,2% và giá trị giao dịch giảm 5,4% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 04/2016, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 21/01 với 521,88 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 26/04 với 598,48 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 04/2016	4 tháng năm 2016	Tháng 04 so tháng 03	4 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.667,08	10.744,46	75,5	148,3
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.641,45	10.706,06	74,8	148,0
Trái phiếu	22,32	31,40	593,1	306,9
Chứng chỉ quỹ & ETF	3,31	7,00	2.364,3	235,7
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.362,81	9.526,94	77,0	145,8
Giao dịch thỏa thuận	304,27	1.217,52	65,5	171,8
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	48.723,65	178.783,25	82,3	140,8
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	46.372,82	175.487,63	78,8	139,4
Trái phiếu	2.319,52	3.231,64	592,7	295,9
Chứng chỉ quỹ & ETF	31,31	63,98	2.427,1	230,2
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	38.376,38	142.655,06	81,8	132,8
Giao dịch thỏa thuận	10.347,27	36.128,19	84,1	184,9

Cập nhật đến ngày 16/05/2016, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 306 chứng khoán. Giá trị vốn hóa thị trường là 1.234.186,11 tỷ đồng, tăng 7,6% so với cuối năm 2015. VN-Index tại ngày 16/05/2016 đạt 615,78 điểm, tăng 36,75 điểm so với cuối năm 2015 (tương ứng tăng 6,3%).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/3/2016 đến 15/4/2016)

- **Tội phạm kinh tế:** Trong tháng đã khám phá 118 vụ vi phạm kinh tế trong đó bao gồm: buôn bán, vận chuyển hàng ngoại nhập lậu (22 vụ); mua bán và vận chuyển hàng cấm (37 vụ); kinh doanh hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ (17 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả, vi phạm sở hữu công nghiệp (03 vụ); kinh doanh trái phép, trốn thuế (39 vụ). Thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 9,4 tỷ đồng.

Trên lĩnh vực tội phạm môi trường, đã lập biên bản xử lý 20 vụ vi phạm về gây ô nhiễm môi trường, xử phạt hành chính 29 vụ thu khoảng 3,7 tỷ đồng.

- **Tội phạm hình sự:** Trong tháng, tình hình phạm pháp hình sự được kiểm chế, kéo giảm. Đã xảy ra 418 vụ phạm pháp hình sự giảm 6,5% (-29 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 06 người, bị thương 51 người, thiệt hại tài sản khoảng 14,2 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người 04 vụ, cướp tài sản 16 vụ, hiếp dâm 03 vụ, giao cấu với trẻ em 07 vụ, cưỡng đoạt tài sản 02 vụ, cố ý gây thương tích 35 vụ, cướp giật 86 vụ, trộm cắp tài sản 228 vụ, chống người thi hành công vụ 04 vụ, lừa đảo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 27 vụ, bắt giữ người trái pháp luật 01 vụ và án khác 05 vụ.

Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá nhanh là 262 vụ (đạt 62,7%), bắt 330 người vi phạm.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

* **Ma túy:** Đã khám phá 153 vụ, bắt 336 tên có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, đã khởi tố 118 vụ với 161 người vi phạm; xử lý hành chính 35 vụ với 175 người vi phạm.

* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Phát hiện, xử lý 04 vụ có hành vi môi giới mại dâm và bán dâm. Lập biên bản 49 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

* **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 53 vụ tổ chức cờ bạc bắt 269 người tham gia, thu giữ khoảng 200 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- Trật tự an toàn giao thông

Trên địa bàn thành phố xảy ra 332 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 59 người, bị thương 279 người; trong đó có 66 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 8,2% (+05 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 59 người, bị thương nặng 18 người và 266 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 261 người, hư hỏng 117 xe các loại. Trong tháng xảy ra 02 vụ TNGT rất nghiêm trọng.

Về tai nạn giao thông đường sắt xảy ra 01 vụ, chết 01 người.

Về tai nạn giao thông đường thủy ghi nhận xảy ra 01 vụ TNGT trên tuyến thủy nội địa, chết 01 người và 04 vụ va chạm giao thông.

Đã lập biên bản hành chính 39.650 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tước giấy phép lái xe 5.7770 trường hợp; tạm giữ 5.609 xe các loại; chuyển kho bạc nhà nước thu khoảng 14,6 tỷ đồng.

- **Tình hình cháy, nổ:** Trên địa bàn thành phố đã xảy ra 33 vụ cháy giảm 52,2% (-36 vụ) so với cùng kỳ năm trước, tăng 17,7% (+05 vụ) so với tháng trước; không có người chết, bị thương 02 người; thiệt hại về tài sản ước khoảng 18 tỷ đồng (trong đó có 09 vụ chưa ước tính được thiệt hại).

Trong tháng trên địa bàn thành phố không xảy ra nổ nào.

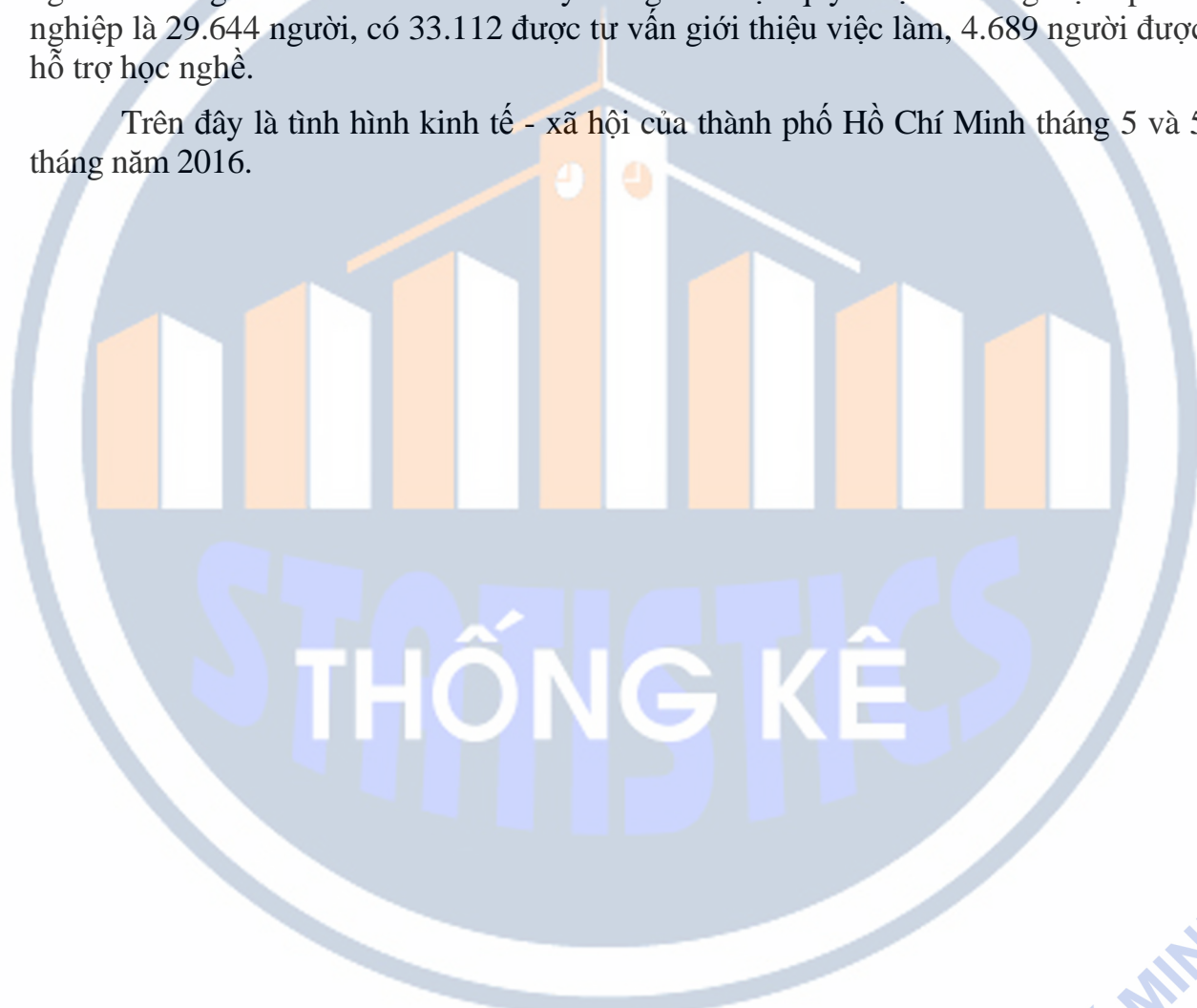
2. Giải quyết việc làm

Trong tháng 5/2016, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố đã giới thiệu và giải quyết việc làm cho 26.471 lao động, tăng 14% so với tháng trước đó. Số việc làm mới tạo ra là 10.263 việc làm, tăng 4,4% so tháng trước. Bốn tháng đầu năm, đã có 124.237 lượt người được giải quyết việc làm đạt 46% so với kế hoạch, số chỗ việc

làm mới tạo ra là 51.690 chỗ làm đạt 41,4% so với kế hoạch. So cùng kỳ năm 2015, giải quyết việc làm tăng 1,2%; số việc làm mới tăng 0,6%.

Bảo hiểm thất nghiệp: từ ngày 01/4 đến 30/4, trên địa bàn thành phố có 10.793 lao động đến Trung tâm dịch vụ việc làm thành phố nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, số người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 10.348 người, số người được tư vấn - giới thiệu việc làm: 11.010 người, số người được hỗ trợ học nghề 1.413 người. Từ đầu năm đến nay số người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 29.644 người, có 33.112 được tư vấn giới thiệu việc làm, 4.689 người được hỗ trợ học nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 5 và 5 tháng năm 2016.



CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733